

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm: 20/CHRR/2024 - Mua xe Volkswagen

Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI



Nguyễn Trần Phương

Chương I. CHỈ DẪN CHUNG

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB).
2. MB mời các nhà cung cấp (NCC) tham gia chào hàng rộng rãi gói mua sắm: **“20/CHRR/2024 - Mua xe Volkswagen”**. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói mua sắm nêu tại Chương II của HSYC này.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 50 ngày.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của NCC

NCC là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói mua sắm này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. NCC phải nộp đơn chào hàng và Bảng giá chào theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, 02a, 02b (nếu có) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, NCC phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do NCC ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp NCC tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của NCC sẽ bị loại.
3. Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, NCC cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần của Hồ sơ đề xuất (HSDX)

HSDX do NCC chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng giá chào theo Mẫu số 02, 02a, 02b (nếu có);
3. Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật theo Mẫu số 03;
4. Hồ sơ năng lực gồm:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - Báo cáo tài chính năm 2023;

- Hợp đồng tương tự theo yêu cầu tại Mục 2 Chương II;
- Cam kết đáp ứng các điều khoản chính trong Hợp đồng theo yêu cầu tại Chương IV

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX là 17 giờ 00 phút ngày 10 tháng 04 năm 2024.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá HSDX

1. NCC phải nộp HSDX trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử về địa chỉ: Phòng Mua sắm và Quản lý Tài sản - Khối Hành chính - Ngân hàng TMCP Quân Đội.

- Địa chỉ: Tầng 07, tòa nhà MB 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Đầu mối tiếp nhận: Nguyễn Thanh Hải
- Điện thoại: 0912 363 666 Email: haint12@mbbank.com.vn

Các HSDX được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được xem xét.

2. Trong quá trình đánh giá các HSDX, Đơn vị mua sắm có thể mời NCC có HSDX đạt yêu cầu và có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

NCC được xem xét, đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX đáp ứng các yêu cầu trong HSYC;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt ngân sách gói mua sắm được duyệt.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI MUA SẮM

1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng)
1	Số lượng HSDX phải nộp	01 bản gốc, 01 bản photocopy.
2	Tính hợp lệ của đơn đề xuất	Được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu
3	Hiệu lực HSDX đáp ứng yêu cầu	Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.
4	Có giấy phép ĐKKD	Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp; ngành nghề phù hợp với lĩnh vực tham gia chào giá (bản công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/sao y của đơn vị)

NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm

2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	≥ 01 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất, được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương.	M
2	Số lượng Hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện với tư cách NCC chính tại Việt Nam trong thời gian từ năm 2020 đến nay	≥ 01 Hợp đồng cung cấp xe có giá trị ≥ 3.15 Tỷ đồng hoặc tổng các hợp đồng có giá trị ≥ 3.15 Tỷ. NCC nộp bản sao y công chứng. Trường hợp cần xác minh MB có thể yêu cầu đối chiếu bản gốc	M
3	Năng lực tài chính	- Doanh thu năm 2023 ≥ 6.75 tỷ đồng. - NCC nộp bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty. Báo cáo tài chính năm 2023.	M

3. Yêu cầu cung cấp hàng hóa:

NCC phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 45 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Địa điểm bàn giao hàng hóa: Theo chỉ định của MB.

4. Yêu cầu chung:

STT	Nội dung	Yêu cầu	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn hàng hóa	Hàng nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước, sản xuất năm 2024 mới 100%, đáp ứng các tiêu chuẩn của hãng sản xuất và yêu cầu của MB	
2	Yêu cầu về tiến độ triển khai	Thời gian bàn giao hàng: tối đa trong vòng 50 ngày	
3	Bảo hành	Theo tiêu chuẩn của Volkswagen.	
4	Hướng dẫn sử dụng và bàn giao tài liệu	Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng.	

5. Yêu cầu kỹ thuật

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
1	Xe Volkswagen Viloran Luxury (Hàng nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước, năm sản	1. Thông số chung: - Nhân hiệu: VolksWagen. - Mẫu xe: Viloran 07 chỗ, Ngoại thất màu đen. - Kích thước tổng thể (D x R x C): 5.346mm x 1.976mm x 1.781mm.	02

	xuất: 2024)	- Loại động cơ: 2.0 TSI. - Công suất cực đại: 220/4.900-6.700 Hp/rpm. - Mômen xoắn cực đại: 350/1.600-4.300 Nm/rpm. - Hộp số: Ly hợp kép DSG 7 cấp. - Truyền động: Dẫn động cầu trước. - Hệ thống treo trước: Kiểu Marpherson. - Hệ thống treo sau: Hệ thống treo độc lập , đa điểm. - Lốp xe trước/sau: 235/50R20. I. Trang thiết bị. 1. Ngoại thất: - Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước: Đèn IQ.Light LED, Đèn chiếu sáng thích ứng, Hỗ trợ ánh sáng chủ động. - Cảm biến đèn pha tự động bật tắt: Có. - Đèn pha điều chỉnh độ cao: Tự động. - Đèn Led chiếu sáng ban ngày: Có. - Đèn chào mừng: Có. - Đèn chờ dẫn đường: Có. - Cụm đèn phía sau: LED. - Gương chiếu hậu: Chỉnh điện/gập điện, Chức năng sưởi, nhớ vị trí. - Cửa trượt điện: Hai bên chống kẹt và cửa hít. - Kính ở hàng ghế sau và phía sau xe: Kính tối màu. - Cửa kính điều khiển điện: Một chạm lên xuống ở tất cả các vị trí chống kẹt an toàn. - Ốp nẹp bước chân: Có. - Đèn viền trang trí nội thất: 30 màu. - Rèm che nắng hàng ghế sau: Có. 2. Nội Thất: - Màu nội thất: 01 nội thất màu Be, 01 xe nội thất màu Nâu. - Màn hình hiển thị đa thông tin: Màn hình kỹ thuật số 10.3 inch. - Bộ tỉ tay: Cổng sạc USB. - Cửa sổ trời toàn cảnh Panoramic Sunroof: Có. - Công tắc chuyển số: Có. - Chất liệu ghế: Ghế da có thông hơi. - Ghế người lái: Chỉnh điện 8 hướng, 4 hướng đệm lưng, nhớ ghế 3 vị trí. - Ghế hành khách phía trước: Chỉnh điện 8 hướng và 4 hướng đệm lưng. - Hệ thống sưởi hàng ghế trước: Có. - Hàng ghế thứ hai kiểu thương gia: Điều chỉnh điện, ngả lưng 70°, trượt ghế chỉnh tay, tựa tay có hộc để ly, điện thoại, sạc - Đệm hơi tựa lưng chỉnh điện, tựa đầu, điều chỉnh ôm sát hai bên, đỡ chân chỉnh điện 90°, sưởi làm mát và 3 chế độ massage với 3 cường độ, nút điều khiển hàng ghế hành khách phía trước. - Hàng ghế thứ 3: Điều chỉnh độ gập 6:4.	
--	-------------	--	--

		- Điều hòa nhiệt độ: Tự động 3 vùng lọc gió PM 2.5(Có hiển thị trên màn hình) điều chỉnh cảm ứng. - Đèn đọc sách cảm ứng: Có. 3. Kết nối, giải trí: - Hệ thống giải trí: Màn hình cảm ứng 12'', kết nối Apple Carplay,USB,Blootouth. - Số lượng loa: 8. - Sạc không dây: Có. II. An toàn và hỗ trợ người lái. - Cảnh báo tập chung cho người lái: Có. - Khóa vi sai điện tử (EDS): Có. - Hệ thống cân bằng điện tử (ESC): Có. - Hệ thống chống trơn trượt (ASR): Có. - Hệ thống điều tiết mô men xoắn động cơ (MSR): Có. - Cảm biến áp suất lốp (TPMS): Có. - Hỗ trợ đỗ xe (Park Assist): Có. - Hệ thống kiểm soát cự ly đỗ xe trước/ sau(PDC): Có. - Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)& Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD): Có. - Hệ thống trợ lực phanh khẩn cấp (BA): Có. - Cảnh báo va chạm phía trước(FCW) và hỗ trợ phanh khẩn cấp (AEB): Có. - Hỗ trợ chuyển làn (LCA): Có. - Túi khí an toàn: 9 túi khí. - Khóa cửa an toàn trẻ em: Chính điện . - Chức năng chống trộm: Có.	
--	--	--	--

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và văn bản sửa đổi HSYC _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên NCC], cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của HSYC với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chi tham gia trong một báo giá này với tư cách là NCC chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HÀ
G
HÀ
Đ
IP

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói mua sắm mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan (nếu có)	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của NCC
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Đại diện hợp pháp của NCC

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Thời gian bảo hành	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)
1	Hàng hoá thứ 1						M1
2	Hàng hoá thứ 2						M2
							
n	Hàng hoá thứ n						Mn
	Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí vận chuyển, lắp đặt, các loại phí và lệ phí khác (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 02b. Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp HSĐX theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

ST T	Nội dung	Yêu cầu của HSYC	Yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Ghi chú và tài liệu tham chiếu
1				Đáp ứng/ Không đáp ứng	
2			M/O		
3			M/O		

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



CHƯƠNG IV - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG

I. GIÁ TRỊ, HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. **Phương thức thanh toán:** chuyển khoản (*phí chuyển khoản thuộc trách nhiệm của Bên A*). Thanh toán làm hai lần:

Lần 1: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng, tương đương ... VND (*Bằng chữ:*.) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký biên bản bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- + Biên bản bàn giao tại điểm giao hàng;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- + Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, chất lượng hàng hóa (CO, CQ)

2. **Quy định về các giấy tờ, hồ sơ thanh toán:**

- **Giấy đề nghị tạm ứng, thanh toán:** Ghi rõ nội dung cần tạm ứng, thanh toán, số tiền chính xác bằng số, bằng chữ, tên đơn vị thụ hưởng.
- **Bảo lãnh tạm ứng:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng giá trị tiền tạm ứng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác bàn giao hàng hóa quy định trong Hợp đồng.
- **Bảo lãnh thực hiện HĐ:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo lãnh là 10% tổng giá trị Hợp đồng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác bàn giao hàng hóa quy định trong Hợp đồng.
- **Biên bản bàn giao, nghiệm thu:** Đây là biên bản xác nhận công tác bàn giao, hoàn thiện công việc theo biểu mẫu của Bên A cung cấp trước khi tiến hành bàn giao và nghiệm thu. Trên đó phải thể hiện các nội dung: Danh mục hàng hóa, số lượng đã bàn giao, thời gian, địa điểm bàn giao. Bắt buộc trên biên bản này phải có chữ ký, dấu xác nhận của các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch của Bên A - nơi bàn giao hàng hóa.

II. TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ PHẠT VI PHẠM

Tiến độ cung cấp: Bên B bàn giao hàng hóa cho Bên A trong vòng 01 tháng kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng.

Phạt chậm tiến độ: Nếu bên B triển khai và nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định thì bên B sẽ phải chịu mức phạt bằng 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nghiệm thu chậm. tuy nhiên tổng mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm (nếu có)